

DỰ THẢO

Tp.HCM, ngày tháng..... năm 2025

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mục lục

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
1. Phạm vi điều chỉnh:	4
2. Đối tượng áp dụng:	4
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông	4
1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	4
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:	5
a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;	5
b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:.....	6
c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:.....	6
d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:	6
đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:	6
e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:	7
f) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:	7
h) Điều kiện tiến hành:.....	7
i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:.....	7
k) Cách thức bỏ phiếu:	8
l) Điều kiện để nghị quyết được thông qua:.....	8
m) Thông báo kết quả kiểm phiếu:	9
n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:.....	9
o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:.....	9
p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:	10
3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	10
a) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:	10
b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	10
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:	11
5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:	12

Điều 3. Hội đồng quản trị	14
1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:	14
a. Vai trò của Hội đồng quản trị:.....	14
b. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:	14
c. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:	15
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:	15
a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;.....	15
b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:	15
c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:.....	15
d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:	16
đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:.....	16
e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:.....	17
g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:	17
h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:.....	17
3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:.....	18
4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây: ...	18
a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm:	18
b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:	18
c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:.....	18
d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:.....	19
đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:	19
e) Cách thức biểu quyết:	19
g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:	19
h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:	19
i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:.....	19
k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:.....	20
l) .Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo đến các cá nhân, bộ phận có liên quan để triển khai thực hiện và được công bố thông tin theo quy định pháp luật (nếu có).....	20
5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:.....	20
a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:.....	20
b. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	20
c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:	20
d) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.	20
Điều 4. Ban Kiểm soát	21
1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.	21

a) Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:.....	21
b) Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:.....	22
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:	23
a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:.....	23
b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:.....	23
c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:	24
d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:.....	24
đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:.....	24
e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:	25
g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:.....	25
Điều 5. Tổng Giám đốc	26
1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:	26
a) Vai trò của Tổng Giám đốc:.....	26
b) Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:	26
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:	27
a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:.....	27
b) Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:.....	27
c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:	27
d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:	27
đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:.....	27
e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:	27
Điều 6. Các hoạt động khác	27
1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:.....	27
a) Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị với ban điều hành:	27
b) Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát	27
c) Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát với ban điều hành.....	28
d) Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị.....	28
Điều 7. Hiệu lực thi hành	28

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử

dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm 2025

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường hoặc thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Xem xét và xử lý các vi phạm của các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thảm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - i. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 1) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - 2) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - 3) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ;
 - 4) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - 5) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - ii. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm a.i.2 khoản này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm a.i.3 và a.i.4 khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
 - iii. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a.ii khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
 - iv. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a.iii khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm ii khoản này;

ii. Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp giấy đăng ký kinh doanh; tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

i. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

ii. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

iii. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị trong các trường hợp sau:

1) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm đ.ii Khoản này;

2) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ ;

- 3) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - 4) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:
- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- f) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:
- Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.
- Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện).
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có);
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu có);
 - v. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của pháp luật.
- h) Điều kiện tiến hành:
- i. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết
 - ii. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm i khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
 - iii. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm ii khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:
- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

k) Cách thức bỏ phiếu:

- i. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- ii. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp
- iii. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
- iv. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- v. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
- vi. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- vii. Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

l) Điều kiện để nghị quyết được thông qua:

- i. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 75% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm ii, iii khoản này:
 - 1) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 2) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 3) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - 4) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - 5) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - 6) Vấn đề khác do Điều lệ của Công ty quy định.

ii. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm i và iii khoản này.

iii. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

m) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

i. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

ii. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm i khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

o) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác, và có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

ii. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp nếu có sự khác nhau về nội dung giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh, thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

iii. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

iv. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp và biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

p) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- i. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- ii. Định hướng phát triển công ty;
- iii. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- iv. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- v. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- vi. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- vii. Tổ chức lại, giải thể công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- i. Hội đồng quản trị có quyền lấy kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- ii. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu khác để giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ.
- iii. Phiếu lấy ý kiến phải được đóng dấu treo của công ty và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 2) Mục đích lấy ý kiến;
- 3) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- 4) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 5) Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 6) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 7) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- iv. Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu đã được trả lời phải là phiếu có đóng dấu treo của Công ty và có chữ ký trực tiếp của cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông. Phiếu lấy ý kiến và/hoặc phiếu bầu gửi về Công ty thông qua gửi thư, fax, thư điện tử; trường hợp gửi thư, phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
 - v. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
 - vi. Biên bản kiểm phiếu phải được đóng dấu treo của Công ty và có các nội dung chủ yếu theo quy định Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 - vii. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 - viii. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu liên quan đã gửi kèm phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
 - ix. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
 - x. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến:
- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại khoản 2.d Điều này;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại khoản 2.f Điều này;

- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại khoản 2.e Điều này;
 - d) Điều kiện tiên hành theo quy định tại khoản 2.h Điều này;
 - đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:
 - i. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết điện tử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - ii. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
 - iii. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - iv. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
 - v. Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu theo quy định tại khoản 2.m Điều này;
 - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.o Điều này;
 - k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.p Điều này.
5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:
- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.d Điều này;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.f Điều này;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.e Điều này;
 - d) Điều kiện tiên hành theo quy định tại khoản 2.h Điều này;

- đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Cách thức bỏ phiếu:
- i. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết đăng ký tham dự trực tiếp một thẻ biểu quyết và một thẻ biểu quyết điện tử đối với cổ đông, đại diện của cổ đông đăng ký tham dự trực tuyến, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
 - ii. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
 - iii. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - iv. Tại Đại hội trực tiếp, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định.
 - v. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
 - vi. Việc biểu quyết bầu thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- g) Cách thức kiểm phiếu: Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu theo quy định tại khoản 2.m Điều này;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.o Điều này;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2.p Điều này.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Vai trò của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- b. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - i. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - ii. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - iii. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - iv. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - v. Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong vòng mười hai (12) tháng;
 - vi. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - vii. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - viii. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 30, và khoản 3 Điều 57 Điều lệ;
 - ix. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - x. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - xi. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- xii. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- xiii. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- xiv. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- xv. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- xvi. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.

c. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

- i. Quyền được cung cấp thông tin: Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- ii. Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác: Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- iii. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

- i. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối thiểu 03 (ba) thành viên và tối đa 07 (bảy) thành viên; có ít nhất 01 (một (01)) thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú tại Việt Nam. Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- ii. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là bốn (04) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- iii. Nhiệm kỳ của thành viên mới được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm là thời gian còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đương nhiệm.
- iv. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- i. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
- ii. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- i. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử

viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- 1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- 2) Trình độ chuyên môn;
- 3) Quá trình công tác;
- 4) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- 5) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

ii. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

iii. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- 1) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Điều lệ;
- 2) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

- ii. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - iii. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm đ.i và đ.ii khoản này.
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.
- g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:
- i. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử.
 - ii. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ nếu có yêu cầu ứng cử, đề cử các ứng viên làm thành viên Hội đồng quản trị sẽ thực hiện gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị đến Công ty theo thông báo của Công ty.
 - iii. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.
 - iv. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - 1) Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại điểm c Khoản 2 Điều này.
 - 2) Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- i. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
 - ii. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất

và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- c) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm:

i. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- i. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- ii. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- iii. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc. Trường hợp nếu xét thấy cần thiết đối với lợi ích của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị không cần tuân thủ quy định gửi thông báo mời họp trước ba (03) ngày làm việc như quy định. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình và các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu được sử dụng cho cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử và phương thức gửi khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến tất cả các Kiểm soát viên như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thảo luận các vấn đề nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết:

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

ii. Ủy quyền cho người khác đến tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều 39 Điều lệ;

iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp;

v. Gửi văn bản nêu ý kiến/phiếu biểu quyết trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu và tài liệu;

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh

nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải cùng ký tên lên biên bản và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông báo đến các cá nhân, bộ phận có liên quan để triển khai thực hiện và được công bố thông tin theo quy định pháp luật (nếu có).

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

a. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty: Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.

c. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau:

- i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5.a của Điều này;
- ii. Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- iii. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- iv. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật.

d) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- i. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- ii. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- iv. Tham dự các cuộc họp;

- iv. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- v. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- vi. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- vii. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- viii. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty;
- ix. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

a) Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

- i. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- ii. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- iii. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- iv. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- v. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ;
- vi. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

- vii. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- viii. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và người điều hành khác của Công ty vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;
- ix. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- x. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;
- xi. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- xii. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- xiii. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- xiv. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
- xv. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- xvi. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- xvii. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- xviii. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
- xix. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- xx. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b) Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

- i. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

- ii. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- iii. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- iv. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- v. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- vi. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

- i. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 04 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- ii. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- i. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- ii. Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- iii. Có hiểu biết về chứng khoán và thị trường chứng khoán; được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chứng khoán;
- iv. Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật;

- v. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- vi. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- vii. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- viii. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên hoặc người quản lý của Công ty chứng khoán khác;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

- i. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 Điều lệ.
- ii. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

- i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau:
 - 1) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Điều lệ;
 - 2) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
- ii. Thành viên Ban kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 1) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 2) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- 3) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;
- 4) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

i. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- 1) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- 2) Trình độ chuyên môn;
- 3) Quá trình công tác;
- 4) Các chức danh quản lý khác;
- 5) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- 6) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

ii. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

i. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;

ii. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

iii. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

a) Vai trò của Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

b) Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- i. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- ii. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- iii. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- iv. Quyết định hợp đồng mua, bán, cho vay, vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ;
- iv. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- v. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- vi. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- vii. Xây dựng chính sách khách hàng, quan hệ đối ngoại, tiêu chuẩn nhân viên, chính sách cán bộ, chính sách đào tạo của Công ty;
- viii. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- ix. Tuyển dụng lao động;
- x. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- xi. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với Hội đồng quản trị;
- xii. Trình Hội đồng quản trị các báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty;
- xiii. Chịu trách nhiệm về những sai phạm gây tổn thất và bồi thường thiệt hại cho Công ty ở các mức độ:
 - 1) Trực tiếp gây ra tổn thất;
 - 2) Gián tiếp gây ra tổn thất;
 - 3) Liên đới chịu trách nhiệm.
- xiv. Tổng Giám đốc có quyền từ nhiệm nhưng phải gửi Đơn đề nghị trước ít nhất sáu mươi (60) ngày so với ngày dự kiến từ nhiệm đến Hội đồng quản trị để xem xét và quyết định.
- xv. Quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

b) Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

i. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- 1) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ;
- 2) Có đơn xin từ chức;
- 3) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- 4) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

ii. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị có thẩm quyền miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc theo quy định.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các quy định về công bố thông tin (nếu có).

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a) Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với ban điều hành:

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

b) Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

i. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc

bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

ii. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

c) Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

d) Mọi quan hệ giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Q.CHỦ TỊCH

LEE HUN WOO